

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2021

*“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi  
con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Minh Trí.
2. Ông Dương Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1987. (xin vắng mặt)

Cư trú tại: Khu phố Long Đức, phường Tam Phước, T phố Biên Hòa, tỉnh Biên Hòa.

*2. Bị đơn:* Anh Cao Đình V, sinh năm 1981. (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Nhưng Miên, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2005 chị N và anh V qua thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển vào ngày 08/4/2005.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Cao Đình V.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Cao Minh T – sinh năm 2004, cháu Cao T Đ – sinh năm 2011, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn anh Cao Đình V trình bày:* Vào năm 2003 anh V và chị N tìm hiểu, đến năm 2005 thì tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng 04 năm nay thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hợp nhau, thường xuyên cự cãi với nhau, đã ly thân được 04 năm. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh V đồng ý.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Cao Minh T – sinh năm 2004 và cháu Cao T Đ – sinh năm 2011, hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị N, theo nguyện vọng của 02 con thì anh V đồng ý giao cháu T và cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

\* *Tại phiên tòa:*

- Chị Lê Thị N xin xét xử vắng mặt.

- Anh Cao Đình V xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N và anh Cao Đình V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị N và anh Cao Đình V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2005 chị N và anh V tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Viên An Đông – huyện Ngọc Hiển theo giấy chứng nhận kết hôn số 58/KH ngày 08 tháng 4 năm 2005, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Theo lời trình bày của chị N và anh V: Vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng ly thân đã lâu từ năm 2016 cho đến nay, nên chị N và anh V đồng ý ly hôn với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng không thể kéo dài, nên quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Cao Đình V.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Cao Minh T – sinh năm 2004, cháu Cao T Đ – sinh năm 2011. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của 02 con, chị N và anh V thống nhất giao cháu T và cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Cao Minh T và cháu Cao T Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét..

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Cao Đình V.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Minh T – sinh năm 2004 và cháu Cao T Đ – sinh năm 2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng

đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006468 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, chị N đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Hoàng Tuấn**